

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH LUẬT, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**(định hướng ứng dụng)**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo	: <b>Thạc sĩ</b>
Ngành đào tạo	: <b>Luật</b>
Định hướng	: <b>Ứng dụng</b>
Tên tiếng Anh	: <b>Master of Laws (LL.M.)</b>
Mã ngành	: <b>8380101</b>
Loại hình đào tạo	: <b>Chính quy</b>
Hình thức đào tạo	: <b>Tập trung</b>

**Thành phố Hồ Chí Minh - 2025**

## MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG .....	5
1.1. Giới thiệu .....	5
1.2. Thông tin chung .....	5
2. MỤC TIÊU .....	6
2.1. Tâm nhìn - Sứ mạng - Triết lý giáo dục của Trường .....	7
2.1.1. Tâm nhìn.....	7
2.1.2. Sứ mạng .....	7
2.1.3. Triết lý giáo dục.....	7
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo .....	7
2.2.1 Mục tiêu tổng quát.....	7
2.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	7
3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM .....	9
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.....	10
5.1. Thông tin tuyển sinh .....	10
(b) Phương thức tuyển sinh .....	15
(c) Quy trình tuyển sinh.....	15
5.2 Quy trình đào tạo .....	15
Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp .....	17
(iv) ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY .....	18
6.1 Đội ngũ giảng viên .....	18
a) Đội ngũ nhân sự của Trường.....	18
b) Đội ngũ nhân sự, tổ chức bộ máy và nhân sự lãnh đạo của Khoa Luật Thương mại .....	19
c) Đội ngũ giảng viên chủ trì mở ngành đào tạo, chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo và hướng dẫn đề án.....	19
6.2 Cơ sở vật chất .....	22
6.2.1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu đảm bảo mở ngành đào tạo.....	22
(i) Về cơ sở vật chất, giảng đường, phòng học, phòng làm việc:.....	22

(ii) Trang thiết bị phục vụ đào tạo:.....	23
(iii) Trang thông tin điện tử:.....	24
(iv) Thư viện, giáo trình, sách: .....	24
6.2.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất.....	26
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	26
7.1 . Chuẩn bị của giảng viên.....	26
7.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập .....	26
7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	29
8. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN; ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP .....	29
8.1. Phương pháp đánh giá học phần.....	29
8.2. Hình thức đánh giá học phần, thang điểm đánh giá và xếp loại học phần.....	30
8.2.1. Hình thức đánh giá học phần.....	30
8.3. Đánh giá kết quả học tập .....	31
9. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH .....	31
9.1 Khái quát chương trình.....	31
9.2. Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức:.....	32
9.3 Chương trình chi tiết.....	33
9.5. Tóm tắt nội dung các học phần .....	36
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH .....	46
10. 1 Cơ sở đối sánh chương trình đào tạo .....	46
10.2 Về ưu điểm và tính tương thích của chương trình.....	47
11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH .....	48

**BẢNG KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

CTĐT	Chương trình đào tạo
CTĐT	Chương trình đào tạo
CĐR	Chuẩn đầu ra
GD & ĐT	Giáo dục và Đào tạo
PO	Program Objectives (Mục tiêu chương trình)
PLO	Program Learning Outcomes (Chuẩn đầu ra chương trình)
CLO	Course Learning Outcomes (Chuẩn đầu ra học phần)
ĐATN	Đề án tốt nghiệp
NCKH	Nghiên cứu khoa học
GS, PGS	Giáo sư, Phó giáo sư
CSGD	Cơ sở giáo dục
TS	Tiến sĩ
ThS	Thạc sĩ
ĐH	Đại học
GV	Giảng viên
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### 1.1. Giới thiệu

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật (mã ngành 8380101), định hướng ứng dụng với 60 tín chỉ, là một chương trình chuyên biệt nhằm đào tạo đội ngũ chuyên gia pháp luật có năng lực thực hành vượt trội. Mục tiêu cốt lõi là trang bị cho người học khả năng phát hiện các vấn đề pháp lý và các tình huống pháp lý có thể phát sinh trong thực tiễn, từ đó sử dụng kiến thức và kỹ năng để giải quyết hiệu quả những tình huống này.

Điểm mạnh và đặc trưng của chương trình này là hướng đến phát triển năng lực thực hành chuyên môn; tập trung đào tạo kỹ năng thực hành pháp luật cụ thể, giúp học viên chuyển hóa lý luận thành công cụ ứng dụng. Chương trình thiết kế để cung cấp trọn vẹn các kỹ năng cần và đủ để người học giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Các kỹ năng thực hành chuyên sâu được đào tạo bao gồm: (i) Hoạch định chính sách pháp luật; (ii) Xây dựng, soát xét dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; (iii) Tổ chức công tác pháp chế tại cơ quan, bộ ngành, tổ chức, doanh nghiệp...; (iv) Tổ chức triển khai thực hiện, áp dụng pháp luật; (v) Nhận diện, ngăn ngừa rủi ro pháp lý; (vi) Kỹ năng thực hành đội ngũ luật sư công nhằm bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và cộng đồng.

Bên cạnh kỹ năng thực hành, chương trình vẫn đảm bảo cung cấp các phương pháp nghiên cứu trên nền tảng hệ thống kiến thức pháp luật chung. Sự kết hợp này giúp người học không chỉ giỏi về thực hành mà còn có năng lực tự cập nhật kiến thức pháp luật, một yếu tố then chốt để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

Chương trình này kỳ vọng đáp ứng yêu cầu công việc cho các cá nhân đang hoặc sẽ làm việc tại các vị trí đòi hỏi kỹ năng thực hành chuyên nghiệp và khối lượng kiến thức pháp luật nâng cao, bao quát mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế- xã hội. Đối tượng mục tiêu của chương trình đào tạo bao gồm cán bộ, chuyên viên tại: Cơ quan bảo vệ pháp luật; Cơ quan quản lý nhà nước; Các tổ chức hỗ trợ tư pháp, Tổ chức hành nghề luật sư và pháp chế tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

### 1.2. Thông tin chung

Đơn vị được giao quản lý	Khoa Luật Thương mại
Tên chương trình	Luật
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Lĩnh vực đào tạo	Pháp luật
Ngành	Luật
Mã số ngành đào tạo	8380101
Định hướng đào tạo	Ứng dụng

Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	02 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ luật
Đơn- vị cấp bằng	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
Quyết định ban hành	Số 1492/QĐ-ĐHL ngày 19 tháng 12 năm 2025
Chương trình đào tạo đối sánh	
Trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>[1] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật của Trường ĐH Luật Hà Nội;</li> <li>[2] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật định hướng ứng dụng của Trường ĐH Đà Lạt;</li> <li>[3] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật của Trường ĐH Cần Thơ;</li> </ul>
Ngoài nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>[1] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của University of Birmingham (Anh)</li> <li>[2] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Irvine School of Law at University of California (Hoa Kỳ)</li> <li>[3] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của The School of Law at University of Galway (Ireland)</li> <li>[4] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Faculty of Law of The University of Hong Kong (HongKong)</li> <li>[5] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Monash University (Úc)</li> <li>[6] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của SciencesPo Law School (Pháp)</li> </ul>

## 2. MỤC TIÊU

Trường ĐH Luật TP. HCM là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành, hiện đại; góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo Luật ở các tỉnh phía Nam.

## **2.1. Tâm nhìn - Sứ mạng - Triết lý giáo dục của Trường**

### **2.1.1. Tâm nhìn**

Trường ĐH Luật TP. HCM là cơ sở đào tạo và NCKH đa ngành, hiện đại, góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo Luật ở các tỉnh phía Nam.

### **2.1.2. Sứ mạng**

Trường ĐH Luật TP. HCM là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học, sau đại học; là trung tâm nghiên cứu khoa học, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

### **2.1.3. Triết lý giáo dục**

SÁNG TRI THỨC, VỮNG CÔNG MINH.

## **2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo**

### **2.2.1 Mục tiêu tổng quát**

Chương trình đào tạo thạc sĩ luật định hướng ứng dụng đào tạo các chuyên gia pháp lý có trình độ cao, có kiến thức pháp lý chuyên sâu, có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức pháp lý vào thực tiễn nghề nghiệp, giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phức tạp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật; có khả năng phát hiện và đề xuất giải pháp cho các vấn đề pháp luật mới nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, thượng tôn pháp luật; có năng lực làm việc trong lĩnh vực pháp luật, đáp ứng nhu cầu nhân lực pháp lý chất lượng cao của xã hội.

### **2.2.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành luật định hướng ứng dụng sẽ trang bị cho người học với các mục tiêu cụ thể (Program Objective - viết tắt là **PO**) như sau:

#### **Về kiến thức**

PO1. Trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng trong khoa học xã hội và khoa học pháp lý, phương pháp nghiên cứu luật học, phương pháp lý luận và vận động tư duy pháp lý để phân tích giải thích vấn đề pháp lý.

PO2. Trang bị cho người học kiến thức pháp luật chuyên sâu trong mối quan hệ giữa các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam và mối quan hệ với pháp luật quốc tế.

PO3. Trang bị cho người học kinh nghiệm thực tiễn trong áp dụng pháp luật và lựa chọn phương án, lập luận, đề xuất giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả vận dụng pháp luật để giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

#### **Về kỹ năng**

PO4. Người học có kỹ năng tư vấn, soạn thảo và soát xét hợp đồng, văn bản pháp lý, đàm phán, tranh tụng, hòa giải, giải quyết tranh chấp.

PO5. Người học có năng lực hoạch định, triển khai và đánh giá chính sách pháp luật, năng lực tổ chức công tác pháp chế, quản trị rủi ro pháp lý trong đơn vị công tác.

PO6. Người học có kỹ năng sử dụng hiệu quả công nghệ số trong hoạt động nghề luật.

#### **Về thái độ và năng lực tự chủ**

PO7. Người học có ý thức tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và ý thức thượng tôn pháp luật.

PO8. Người học có khả năng làm việc nhóm, tổ chức và điều hành công việc pháp lý trong đơn vị công tác.

PO9. Người học có năng lực khả năng linh hoạt và sáng tạo để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

### **3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Về kiến thức**

PLO1. Hiểu và hệ thống hóa các kiến thức nền tảng trong khoa học xã hội và khoa học pháp lý, phương pháp nghiên cứu luật học, phương pháp lý luận và tư duy pháp lý.

PLO2. Hiểu được kiến thức pháp luật chuyên sâu trong mối quan hệ giữa các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam và mối quan hệ với pháp luật quốc tế, pháp luật chuyên sâu để giải quyết tình huống pháp lý phức tạp trong thực tiễn.

PLO3. Hiểu và vận dụng được kiến thức pháp luật chuyên sâu để giải quyết tình huống pháp lý phức tạp trong thực tiễn.

#### **Về kỹ năng**

PLO4. Có năng lực tư vấn, soạn thảo và soát xét hợp đồng, văn bản pháp lý, đàm phán, tranh tụng, hòa giải, giải quyết tranh chấp.

PLO5. Có năng lực hoạch định, triển khai và đánh giá chính sách pháp luật, có năng lực tổ chức công tác pháp chế, quản trị rủi ro pháp lý trong đơn vị công tác.

PLO6. Có khả năng ứng dụng công nghệ và các công cụ hiện đại trong nghiên cứu và hành nghề pháp lý.

#### **Về thái độ và năng lực tự chủ**

PLO7. Có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và ý thức thượng tôn pháp luật.

PLO8-: Có khả năng làm việc nhóm, tổ chức và điều hành công việc pháp lý trong đơn vị công tác.

PLO9. Có năng lực thích ứng, đổi mới, học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

**Bảng: Ma trận tích hợp Mục tiêu chương trình (PO) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO<sup>1</sup>)**

Mục tiêu CTĐT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT-PLO								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PO1	H	M							L
PO2		H	H	L					
PO3			H	M				L	
PO4				H	M		L		
PO5					H	M			
PO6						H			
PO7							H	M	
PO8								H	
PO9									H

#### 4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ Luật, định hướng ứng dụng là giúp Học viên sau khi tốt nghiệp có thể nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành, có thu nhập ổn định và có cơ hội phát triển trong môi trường làm việc. Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc khác nhau như sau:

-Cố vấn pháp lý giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

<sup>1</sup> Quy ước theo mức L - M - H (low-medium-high) vì các PLO và PO đã xây dựng theo thang Bloom, ở đây là các mức độ tương thích của PLO và CLO. Chú thích: **Thang đo H/M/L: L (Low):** Mức độ liên kết thấp; PLO được đề cập/giới thiệu. **M (Medium):** Mức độ liên kết trung bình; PLO được phát triển thông qua vận dụng. **H (High):** Mức độ liên kết cao; PLO là trọng tâm được yêu cầu đạt mức thành thạo

-Cán bộ, chuyên viên pháp chế làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ, phòng pháp chế của các công ty, tập đoàn, xử lý các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, hợp đồng, nhân sự.

-Chuyên viên nhân sự: Vận dụng kiến thức về luật hành chính, luật lao động để quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo và giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động.

-Chuyên gia tư vấn pháp luật: Cung cấp các dịch vụ tư vấn chuyên sâu về các lĩnh vực pháp luật như dân sự, thương mại, hình sự, hành chính, quốc tế cho tổ chức và cá nhân.

-Điều hành các hãng luật, các công ty luật.

-Thực hiện hoạt động quản lý và quản trị tại các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.

-Khởi nghiệp trong lĩnh vực pháp lý, doanh nghiệp, kinh doanh.

## 5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 5.1. Thông tin tuyển sinh

Thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 1557/BGDĐT-GDĐH ngày 21/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với người dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 752/2021/QĐ-ĐHL ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh. Theo đó, người học phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

#### (a) Đã tốt nghiệp đại học

(a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

**Bảng 02:** Danh mục ngành phù hợp trình độ đại học dự tuyển đào tạo thạc sĩ Luật:

STT	Mã số	Ngành
1	7380101	Luật
2	7380102	Luật Hiến pháp và luật Hành chính
3	7380103	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự
4	7380104	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
5	7380107	Luật Kinh tế
6	7380108	Luật Quốc tế

7	7380109	Luật Thương mại quốc tế
---	---------	-------------------------

*Hoặc*

(b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học một trong ngành phải học bổ sung kiến thức và đã học xong các môn học bổ sung trước khi đăng ký dự tuyển.

**Bảng 03:** Danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức và môn học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển:

STT	Mã số	Tên ngành
1	7140114	Quản lý giáo dục
2	7140204	Giáo dục Công dân
3	7140205	Giáo dục Chính trị
4	7140248	Giáo dục pháp luật
5	7220201	Ngôn ngữ Anh (do Trường Đại học Luật TP. HCM cấp)
6	7310201	Chính trị học
7	7340401	Khoa học quản lý
8	7340405	Hệ thống thông tin quản lý
9	7860101	Trình sát an ninh
10	7860102	Trình sát cảnh sát
11	7860104	Điều tra hình sự
12	7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự
13	7860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông
14	7860111	Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp
15	7860112	Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân
16	7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước
17	7310205	Quản lý nhà nước
18	7340403	Quản lý công
19	7310110	Quản lý kinh tế
20	7310101	Kinh tế
21	7310102	Kinh tế chính trị

22	7310104	Kinh tế đầu tư
23	7310105	Kinh tế phát triển
24	7310106	Kinh tế quốc tế
25	7310206	Quan hệ quốc tế
26	7340101	Quản trị kinh doanh
27	7340120	Kinh doanh quốc tế
28	7340121	Kinh doanh thương mại
29	7340122	Thương mại điện tử
30	7340201	Tài chính – Ngân hàng

**Bảng 04:** Các môn học (học phần) cần bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển đối với các ngành phải học bổ sung kiến thức

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Luật Dân sự	2
2	Luật Tố tụng dân sự	2
3	Luật Hiến pháp Việt Nam	2
4	Luật Hành chính Việt Nam	2
5	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2
6	Pháp luật thương mại hàng hoá và dịch vụ	2
7	Luật Quốc tế	2
8	Luật Thương mại quốc tế	2
9	Luật hình sự	2
10	Luật tố tụng hình sự	2
	Tổng	20

Và

(c) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế theo bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**Bảng 05.** Tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam<sup>2</sup>

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-450 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4

<sup>2</sup> Các đơn vị liên kết thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài do Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранном у	ТРКИ-1	ТРКИ-2

b.1. Ứng viên được xem đáp ứng yêu cầu có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- (i) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- (ii) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- (iii) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

b.2. Người dự tuyển chưa đạt điều kiện về năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định, trường hợp tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức phải có kết quả “đạt”.

b.3. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định tại Phụ lục I.

(c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(d) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Thông tin tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;

(đ) Có kết quả xét tuyển phù hợp với chỉ tiêu theo Đề án tuyển sinh sau đại học hàng năm của trường

(e) Thực hiện việc xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

## **(b) Phương thức tuyển sinh**

Căn cứ quy chế tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, nhu cầu người học và năng lực đào tạo của trường, hằng năm Hiệu trưởng sẽ ban hành Đề án tuyển sinh, trong đó quy định phương thức tuyển sinh cụ thể.

Trong giai đoạn 3 năm đầu tiên thực hiện chương trình này, áp dụng các phương thức tuyển sinh sau:

Phương thức “Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn của Ban chuyên môn”: áp dụng cho Người dự tuyển đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ..

Phương thức “Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn của Ban chuyên môn và thi tiếng Anh”: áp dụng cho Người dự tuyển CHƯA đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ và có nguyện vọng tham gia kỳ thi tiếng Anh do Trường tổ chức.

## **(c) Quy trình tuyển sinh**

Bước 1: Xét hồ sơ

Căn cứ vào các kết quả học tập ở bậc cử nhân; đối tượng ưu tiên; thâm niên và vị trí công việc đang đảm nhận...với số điểm tối đa là 70 điểm.

Bước 2: Phỏng vấn

Ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp người dự tuyển về các nội dung về kiến thức nền tảng khoa học pháp lý và hiểu biết về ngành đào tạo dự tuyển; kỹ năng với kết quả phỏng vấn chiếm tối đa là 30 điểm.

Bước: Tổng hợp và trình Hội đồng tuyển sinh quyết định danh sách trúng tuyển.

## **5.2 Quy trình đào tạo**

Quy chế đào tạo được sử dụng trong quá trình đào tạo ngành theo hình thức đào tạo chính quy tại Trường là Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, ban hành kèm Quyết định số 752/2021/QĐ-ĐHL ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc áp dụng quy chế đào tạo tín chỉ nhằm tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học tại Trường.

Hình thức đào tạo chính quy tập trung: có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 02 năm (24 tháng) tính từ thời điểm công nhận kết quả trúng tuyển, và được triển khai trong 3 (ba) học kỳ và 01 học kỳ dự phòng

Chương trình đào tạo được triển khai giảng dạy trong 03 học kỳ mỗi học kỳ học từ 20 TC đến 24 TC, 0c kỳ dự phòng.

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của học viên, bao gồm hoạt động dạy học trên lớp (giảng lý thuyết và thảo luận), giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 12 giờ lý thuyết và 6 giờ thảo luận (tỷ lệ giờ lý thuyết 80% và thảo luận 20%). Một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

Thời gian giảng dạy mỗi học phần trong chương trình đào tạo tương ứng với số tín chỉ của học phần, cụ thể: học phần 02 TC giảng dạy trong 1 tuần; học phần 03 TC giảng dạy trong 1,5 tuần; học phần 04 TC giảng dạy trong 2 tuần.

Đối với các học phần là các đề tài, dự án, chuyên đề nghiên cứu, học viên thực hiện dưới hình thức tự nghiên cứu, giảng viên hướng dẫn 1/3 số giờ.

Các học phần được tổ chức giảng dạy theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Hình thức trực tuyến được bố trí 02 buổi vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (thời lượng 4 tiết/buổi từ 18g00 đến 21g15). Hình thức trực tiếp được bố trí 03 buổi vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (thời lượng 4 tiết/buổi từ 18g00 đến 21g15) và cả ngày thứ 7 hàng tuần với thời lượng 10 tiết, sáng từ 7g30 đến 11g45, chiều từ 13g30 đến 17g45.

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không vượt quá 2 (hai) lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa;

Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo Luật trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng là **60 tín chỉ**. Trong đó có 06 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ bản; 20 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; 22 tín chỉ thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành; 06 tín chỉ thực tập tốt nghiệp và 06 tín chỉ đề án tốt nghiệp, cụ thể:

**Khối kiến thức cơ bản** giúp người học có tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học để phát hiện và nhận diện vấn đề, lựa chọn phương pháp tiếp cận hiệu quả để giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn công việc.

**Khối kiến thức cơ sở ngành** được thiết kế mục đích tranh bị cho người học những kiến thức mới, chuyên sâu và hiện đại trong tất cả các lĩnh vực pháp luật (Hành chính, Hiến pháp, Hình sự và tố tụng hình sự, Dân sự và tố tụng dân sự, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế...) Khối kiến thức góp phần đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng kiến tạo phát triển, giải phóng nguồn lực, chuyển từ quản lý sang dẫn dắt sáng tạo. Học viên thạc sĩ luật cần được trang bị tư duy này để không chỉ hiểu mà còn có khả năng tham gia vào quá trình xây dựng chính sách, pháp luật chất lượng cao, có tầm nhìn xa, nhằm đáp ứng nhu cầu "Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới" theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị.

**Khối kiến thức cốt lõi ngành:** Các môn học cung cấp kiến thức chuyên ngành nhằm giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học một cách trực tiếp vào các vấn đề cụ thể trong thực tế. Các môn học sẽ tập trung vào các vấn đề kỹ năng chuyên sâu trong thực tiễn thực hiện pháp luật. Khối kiến thức cơ sở ngành có hai nhóm: bắt buộc và tự chọn nhằm giúp người học có cơ hội lựa chọn và tích lũy khối kiến thức phù hợp với nghề nghiệp, vị trí công tác hiện tại giúp học viên hoàn thành có chất lượng báo cáo thực tập và đề án tốt nghiệp.

**Thực tập:** Thực tập, làm việc thực tế tại các cơ quan nhà nước (lập pháp, quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật, tổ chức kinh tế và công ty tư vấn luật, ... có liên quan đến vấn đề ứng dụng pháp luật. Tại đây, Học viên ứng dụng kiến thức và kỹ năng đã học để phát hiện các vấn đề pháp lý phát sinh (bất cập, vướng mắc, điểm nghẽn trong cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật... và chủ động đề xuất và/hoặc tham gia giải quyết vấn đề đó...

**Đề án tốt nghiệp:** Đề tốt nghiệp, học viên phải thực hiện Đề án tốt nghiệp là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một mô hình mới, giải pháp, quy trình ... trong lĩnh vực chuyên ngành mang tính chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật vào thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Đề án tốt nghiệp phải trải qua quá trình thẩm định và đánh giá của Hội đồng chấm đề án tốt nghiệp.

### **Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Căn cứ Quy chế đào tạo của Trường, học viên có đủ các điều kiện sau thì được Hội đồng xét tốt nghiệp xét công nhận tốt nghiệp:

- (i) *Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu*
- (ii) *Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đầu đào tạo tại thời điểm xét tốt nghiệp được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, o quy định tại phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường đại học luật thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 752/ QĐ-DHL ngày 06 tháng 10 năm 2021 hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ giáo dục và đào tạo công bố hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình thực hiện hoàn toàn bộ bằng ngôn ngữ nước ngoài;*

(iii) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập

Quy trình, thủ tục xét và công nhận tốt nghiệp, thời gian và số lần xét tốt nghiệp trong năm được thực hiện như sau:

Nhà trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công đề án và nộp lại đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng (nếu có) tại Trung tâm thông tin thư viện của trường .

Trường hợp đề án phải thẩm định thì thời hạn tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định.

Trong nhà trường cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp

Nội dung ghi trên văn,bằng và phụ lục văn bằng được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đó phụ lục ghi rõ chương trình định hướng ứng dụng

Đối học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời hạn học tập quy định thì Hiệu trưởng sẽ cấp giấy chứng nhận kết quả các học phần mà học viên đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

## (iv) ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

### 6.1 Đội ngũ giảng viên

#### a) Đội ngũ nhân sự của Trường

Tính đến ngày 01 tháng 6 năm 2025, Trường có 462 viên chức và người lao động, trong đó có 333 giảng viên và 129 chuyên viên, nhân viên phục vụ; đội ngũ giảng viên của Trường có 04 giáo sư, 20 phó giáo sư, 103 tiến sĩ, 204 thạc sĩ và 04 cử nhân trợ giảng (Danh sách kèm theo)

Đội ngũ giảng viên của trường không những được đào tạo ở các trường đứng đầu trong nước mà còn được đào tạo ở các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới như: Liên xô cũ, Anh, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thụy Điển, Pháp, Singapore, Úc,..v.v... .

Đội ngũ giảng viên của Trường mạnh về số lượng và có trình độ chuyên môn cao, bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, giỏi ngoại ngữ, có kiến thức pháp luật chuyên sâu về thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế và chuyển giao công nghệ quốc tế của một số nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới,..v.v... . Đây là thế mạnh vượt trội của Trường so với các cơ sở đào tạo khác khi Trường xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành đào tạo thuộc.

Ngoài ra, Trường còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật đầu tư quốc tế, kinh doanh, thương mại quốc tế đã góp phần hoàn

thiện kiến thức, kỹ năng của sinh viên ở nhiều lĩnh vực khác nhau cũng như nâng cao tính thực tiễn của các chương trình đào tạo.

**b) Đội ngũ nhân sự, tổ chức bộ máy và nhân sự lãnh đạo của Khoa Luật Thương mại**

Khoa Luật Thương mại là đơn vị chuyên môn cấp khoa để quản lý các hoạt động tuyển sinh, đào tạo, chuyên môn, giảng viên, học viên và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo Luật trình độ thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên của Khoa hiện có 52 giảng viên (48 cơ hữu, 03 Hợp đồng lao động), trong đó có 05 phó giáo sư, 19 tiến sĩ và 30 thạc sĩ (trong đó có 07 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh). Các giảng viên của Khoa đều đã từng được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong nước như Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Luật Hà Nội..., cũng như có kinh nghiệm học tập và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín của các quốc gia như Úc, Liên bang Nga, Pháp, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc... Nhiều giảng viên của Khoa đã được vinh danh ở cấp Thành phố và toàn quốc, minh chứng cho chất lượng giảng dạy và sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhà giáo.

Về tổ chức bộ máy, hiện tại, Khoa Luật Thương mại có 03 bộ môn gồm: Bộ môn Luật Thương mại, Bộ môn Luật Đất đai - Môi trường và Bộ môn Luật Thuế - Tài chính - Ngân hàng.

Về nhân sự lãnh đạo cấp khoa, hiện tại, Khoa Luật Thương mại có 01 Trưởng Khoa, 01 Phó trưởng Khoa và 03 Trưởng Bộ môn.

**c) Đội ngũ giảng viên chủ trì mở ngành đào tạo, chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo và hướng dẫn đề án**

(i) Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường phải có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 giáo sư hoặc phó giáo sư không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Theo đó, giảng viên có chức danh phó giáo sư, trình độ tiến sĩ “ngành phù hợp” chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đó là Nguyễn Văn Vân ( Học vị: Tiến sĩ luật; Năm tốt nghiệp: 1998 tại Liên Xô cũ; Học hàm: Phó giáo sư 2012) có trình độ chuyên môn ngành Luật và kinh nghiệm giảng dạy sau đại học tính đến thời điểm này là 24 năm.

**Bảng 06:** Danh sách giảng viên cơ hữu có chức danh giáo sư, phó giáo sư, trình độ tiến sĩ “ngành phù hợp” chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ	Học hàm, năm phon g	Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên n ngành	Tên luận án	Công trình NCKH

1	<p><b>Lê Trường Sơn</b> Sinh năm: 1971 Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</p>		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	Giai đoạn tiền hợp đồng trong pháp luật Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 04/04 liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Sách: 11/11 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Bài báo: 08/08 công bố liên quan đến ngành Luật</li> </ul>
2	<p><b>Lê Nguyễn Thanh</b> Sinh năm: 1973 Chức vụ: Giảng viên Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</p>		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Luật Hình sự và tố tụng hình sự	Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 05/05 liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Sách: 05/05 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Bài báo: 18/18 công bố liên quan đến ngành Luật</li> </ul>
3	<p><b>Lê Vĩnh Châu</b> Sinh năm: 1972 Chức vụ: Phó Trưởng khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</p>		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	Thi hành bản án, quyết định của Toà án giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 03/03 liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Sách: 06/06 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Bài báo: 30/30 công bố</li> </ul>

						liên quan đến ngành Luật
4	<p><b>Đỗ Thanh Trung</b> Sinh năm: 1979 Chức vụ: Giảng viên Khoa Luật Hành chính-Nhà nước, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</p>		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Luật	Chức năng tạo lập và áp dụng án lệ của tòa án	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 01/01 liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Sách: 04/04 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Bài báo: 14/14 công bố liên quan đến ngành Luật</li> </ul>
5	<p><b>Nguyễn Thị Thu Thảo</b> Sinh năm: 1987 Chức vụ: Giảng viên kiêm nhiệm chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</p>		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Luật Kinh tế	Biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Tổ chức thương mại thế giới - Những vấn đề pháp lý đặt ra đối với Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 07/07 liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Sách: 04/04 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật</li> <li>- Bài báo: 10/10 công bố liên quan đến ngành Luật</li> </ul>

(ii) Trường có đội ngũ giảng viên bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng học phần trong chương trình đào tạo ngành Luật trình độ thạc sĩ bao gồm:

- Bà Hà Thị Thanh Bình, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Bà Nguyễn Thị Phương Hoa, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;

- Ông Phan Huy Hồng, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Trần Thăng Long, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Vũ Văn Nhiêm, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Nguyễn Xuân Quang, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật.

(iii) Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường có đội ngũ người hướng dẫn đề án bảo đảm đủ về số lượng và tiêu chuẩn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường. Theo đó, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư, trình độ tiến sĩ hướng dẫn đề án cho học viên theo học Chương trình đào tạo ngành Luật trình độ thạc sĩ bao gồm:

- Ông Đỗ Văn Đại, có chức danh giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Trần Việt Dũng, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Lê Huỳnh Tấn Duy, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Lưu Quốc Thái, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Bà Nguyễn Thị Thủy, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật.
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật.

(iv) Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường có kinh nghiệm trong tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan tới ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là ngành phù hợp đối với một ngành đã tổ chức đào tạo và cấp bằng ở trình độ đại học. Theo đó, ngành Luật trình độ đại học của Trường đã được cấp có thẩm quyền cho phép tuyển sinh và đào tạo từ năm 1988 theo Quyết định số 14-QĐ/TC ngày 30/01/1988 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

## **6.2 Cơ sở vật chất**

### ***6.2.1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu đảm bảo mở ngành đào tạo***

#### ***(i) Về cơ sở vật chất, giảng đường, phòng học, phòng làm việc:***

- Về giảng đường, phòng học, phòng làm việc phục vụ cho việc tuyển sinh và đào tạo ngành Luật trình độ thạc sĩ được Trường sử dụng và thực hiện việc đầu tư mua sắm giống như các ngành hiện nay đang được Trường tổ chức đào tạo;
- Địa điểm tổ chức đào tạo:

+ Cơ sở Nguyễn Tất Thành (Quận 4) có diện tích đất là 3.569m<sup>2</sup> và có diện tích sàn xây dựng là 13.360m<sup>2</sup>, trong đó có 1.460m<sup>2</sup> làm thư viện và 5.384m<sup>2</sup> làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 55 phòng, với sức chứa từ 41 đến 342 chỗ ngồi;

+ Cơ sở Bình Triệu (thành phố Thủ Đức) có diện tích đất là 3.627m<sup>2</sup> và có diện tích sàn xây dựng là 12.132m<sup>2</sup>, trong đó có 830m<sup>2</sup> làm thư viện và 3.909m<sup>2</sup> làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 34 phòng, với sức chứa từ 20 đến 320 chỗ ngồi;

+ Cơ sở Long Phước (thành phố Thủ Đức) có diện tích đất là 128.376m<sup>2</sup> và có diện tích sàn xây dựng là 32.660m<sup>2</sup> (đang trong quá trình hoàn tất thi công), trong đó có 784m<sup>2</sup> làm thư viện và 4.500m<sup>2</sup> làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 35 phòng, với sức chứa từ 80 đến 120 chỗ ngồi.

**(ii) Trang thiết bị phục vụ đào tạo:**

- Trang thiết bị làm việc và phục vụ đào tạo được trang bị đầy đủ, hiện đại. Tất cả máy tính đều được kết nối mạng internet tốc độ cao, liên tục 24/24; tất cả phòng học được trang bị máy chiếu (*projector*) và màn hình LCD chất lượng cao. Trường còn có 01 phòng diễn án với các thiết bị, dụng cụ đáp ứng yêu cầu thực hành xét xử các vụ án, 02 phòng thực hành máy tính, 01 phòng Lab và 01 phòng thiết bị đa năng.

**Bảng 07:** Trang thiết bị phục vụ đào tạo tại 03 cơ sở của Trường như sau:

Stt	Phòng học		Trang thiết bị	
	Loại phòng học	Số lượng	Tên gọi thiết bị	Số lượng
1	Phòng học đa phương tiện	124 (trong đó có 35 phòng dự kiến đưa vào hoạt động từ cuối năm 2025)	Máy chiếu (thuyết giảng)	91
			Màn hình LCD (thuyết giảng)	33
2	Phòng học ngoại ngữ	3	Máy chiếu (thuyết giảng)	3
			Màn hình LCD (thuyết giảng)	1
3	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Nguyễn Tất Thành	55	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	125

Stt	Phòng học		Trang thiết bị	
	Loại phòng học	Số lượng	Tên gọi thiết bị	Số lượng
4	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Bình Triệu	34	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	34
5	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Long Phước (dự kiến đưa vào hoạt động vào cuối năm 2025)	35	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	101

- Ngoài ra, trang thiết bị phục vụ đào tạo của Trường còn có hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet tốc độ cao, đảm bảo đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về diện tích, vị trí, sàn nâng, nhiệt độ, phòng cháy, chống sét.

**(iii) Trang thông tin điện tử:**

- Trang thông tin điện tử để đăng tải các thông tin yêu cầu phải công khai, minh bạch thông tin theo quy định; là nơi cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin chính thống của Trường phục vụ cho hoạt động tuyển sinh và đào tạo ngành Luật trình độ đại học thạc sĩ, có tại địa chỉ: <https://www.hcmulaw.edu.vn>.

**(iv) Thư viện, giáo trình, sách:**

- Trường có hệ thống thư viện với quy mô lớn và được trang bị các trang thiết bị hiện đại nhất tại khu vực phía Nam. Ngoài thế mạnh là tài liệu chuyên ngành Luật, Trường còn có các tài liệu tham khảo, sách, giáo trình liên quan đến lĩnh vực ngành nghề kinh tế, quản trị và kinh doanh. Thư viện hiện được đặt tại 02 cơ sở của Trường (gồm cơ sở Nguyễn Tất Thành, Quận 4 và cơ sở Bình Triệu, thành phố Thủ Đức), với tổng diện tích sàn xây dựng tại các cơ sở này là 4.454m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc là 3.304m<sup>2</sup>. Trong năm học 2025-2026, Trường dự kiến sẽ đưa Thư viện vào hoạt động tại cơ sở 3 với quy mô 784m<sup>2</sup>;

- Thư viện được thiết kế, xây dựng và đưa vào hoạt động với cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn của các thư viện điện tử hiện đại trên thế giới, với phần mềm quản lý thư viện theo tiêu chuẩn MARC (*Machine - Readable - Cotaloging*). Hệ thống thông tin - thư viện này không chỉ cung cấp cho bạn đọc tài liệu truyền thống như: sách, giáo trình, luận án, tạp chí,... mà còn có cả tài liệu điện tử. Trong đó, bao gồm cả đĩa mềm và các cơ sở dữ liệu trực tuyến như: Westlaw, Heinoline, Eline@Vietnam,... . Mục lục truy cập công cộng trực tuyến Online public access catalog (OPAC), tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc tìm kiếm thông tin nhanh chóng. Bên cạnh đó, ngoài các hình thức phục vụ phổ biến như: đọc tại chỗ, mượn về nhà, sao chụp tài liệu, phát hành tài liệu gốc, Thư viện của Trường còn cung cấp dịch vụ tra cứu, tư vấn thông tin theo yêu cầu.

- Về sách, giáo trình và tài liệu tham khảo có trong Thư viện của Trường đảm bảo đáp ứng tài liệu học tập trong Chương trình đào tạo ngành Luật trình độ thạc sỹ.

- Ngoài ra, Trường còn có rất nhiều đầu giáo trình và tài liệu khác liên quan đến Chương trình đào tạo ngành Luật trình độ thạc sỹ được thống kê đến thời điểm hiện tại (ngày 01/3/2025) như sau:

(i) Tổng số đầu tài liệu: 24.386;

(ii) Tổng số bản tài liệu: 90.151;

(iii) Tổng số đầu sách, giáo trình, sách tham khảo: 15.242;

(iv) Tổng số bản sách, giáo trình, sách tham khảo: 71.558.

- Trường có thư viện điện tử, thư viện số:

(i) Thư viện số tài liệu nội sinh: 16.929 file, tại địa chỉ website: <http://thuvienso.hcmulaw.edu.vn/>;

(ii) Các cơ sở dữ liệu mua ngoài như:

+ CSDL văn bản pháp luật - thư viện pháp luật, tại địa chỉ website: <https://thuvienphapluat.vn/>;

+ CSDL Westlaw, tại địa chỉ website: <https://next.westlaw.com/>;

+ CSDL Heinonline, tại địa chỉ website: <http://heinonline.org/>;

+ CSDL Sách điện tử (E-book), tại địa chỉ website: <http://portal.igpublish.com/iglibrary/>.

(iii) Các cơ sở dữ liệu hợp tác với các đơn vị ngoài Trường như:

+ CSDL Thư viện số của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh; tại địa chỉ website: <http://thuvien.hlu.edu.vn/>;

+ CSDL Tạp chí toàn văn của Cục Khoa học và Công nghệ quốc gia, tại địa chỉ website: <https://sti.vista.gov.vn/>;

+ CSDL Văn bản pháp luật - Luật Việt Nam, tại địa chỉ website: <https://luatvietnam.vn/>;

+ CSDL Toàn văn Luận án tiến sĩ của Bộ Giáo dục và đào tạo, tại địa chỉ website: <https://luanvan.moet.gov.vn/>.

(iv) Ngoài ra, Trường còn có các địa chỉ website phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu như: <https://nhasach.hcmulaw.edu.vn/> (Trung tâm Học liệu) và <https://library.hcmulaw.edu.vn/> (Thư viện).

### 6.2.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Từ tháng 9/2025, Trường bắt đầu đưa Cơ sở Long Phước vào sử dụng, có thiết kế công năng hiện đại trên diện tích hơn 30ha, bao gồm khu hành chính, giảng đường, ký túc xá, khu thể thao tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Dự kiến khi đi vào hoạt động toàn bộ sẽ nâng cao tổng diện tích sử dụng phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học lên ít nhất 100% nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của học viên và giảng viên.

## 7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp giảng dạy và học tập của Trường ĐH Luật TP. HCM là tiếp cận giáo dục dựa trên **chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education – OBE)**. Ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra dành cho **học viên**, thiết kế chuẩn đầu ra môn học.

Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá.

Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

### 7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy CTĐT Thạc sĩ ngành Luật cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

Nắm rõ các dạng học phần mà mình tham gia giảng dạy (phần lý thuyết chuyên sâu hay thảo luận chuyên đề, học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế Đề án Tốt nghiệp...);

Nắm rõ các phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp ứng dụng vào thực tiễn hành nghề...);

Hiểu rõ trình độ chuyên môn của học viên trong lớp;

Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;

Giảng viên cần chuẩn bị giáo trình, bài giảng, đề cương chi tiết học phần, các slides trình chiếu, lịch trình dạy học, kế hoạch dạy học và thông báo cho học viên.

### 7.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập của CTĐT Thạc sĩ ngành Luật, Định hướng Ứng dụng được thực hiện theo các định hướng sau đây:

a) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ, tự nghiên cứu nâng cao trình độ để học viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu sau khi tốt nghiệp.

b) Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức pháp lý chuyên sâu để phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề pháp luật phức tạp trong thực tiễn hành nghề; khuyến khích và tạo điều kiện cho học viên được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở tổ chức cho học viên tham gia các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá, vận dụng kiến thức thông qua tình huống thực tế hoặc mô phỏng tranh tụng/tư vấn.

c) Vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục Thạc sĩ, đối tượng học viên và điều kiện cụ thể. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau. Các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học viên.

d) Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đề cao vai trò chủ thể học tập của học viên (dạy học thực hành, phân tích án lệ, phân tích chính sách, dạy học nêu và giải quyết vấn đề pháp lý phức tạp, dạy học theo dự án tư vấn/pháp chế... với những kỹ thuật dạy học phù hợp).

e) Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt; kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở giảng đường, học theo chuyên đề nghiên cứu/dự án thực tiễn, tự học...

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ nghiên cứu và quản lý hồ sơ pháp lý. coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo thêm đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

### ***Chiến lược và phương pháp giảng dạy***

<b>Chiến lược giảng dạy</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Phương pháp giảng dạy</b>
<b>Giảng dạy trực tiếp</b>	Đa số các môn học lý thuyết chuyên sâu được dạy theo phương pháp thuyết trình thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập chuyên đề về nhà cho học viên và kiểm tra khả năng tự học của học viên thông qua bài tập, thảo luận, Seminar chuyên môn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Bài học chuyên đề</li> <li>- Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán vấn đề pháp lý</li> <li>- Luyện tập &amp; thực hành</li> </ul>
<b>Giảng dạy gián tiếp</b>	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng nào của giảng viên, các môn học được chọn lựa trong CTĐT của chuyên ngành có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên vấn đề pháp lý phức tạp, học viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích yêu cầu khách hàng/cơ quan</li> <li>- Giải quyết vấn đề pháp lý phức tạp</li> </ul>

	được tạo điều kiện môi trường tốt nhất cho hoạt động học tập các học phần này.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích án lệ/Nghiên cứu tình huống thực tiễn</li> <li>- Xây dựng giải pháp/ý tưởng pháp lý</li> </ul>
<b>Học tập trải nghiệm</b>	Các môn học trong chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm như các môn kỹ năng thực hành chuyên sâu mà học viên được trang bị học tập thực hành.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô phỏng tranh tụng/tư vấn</li> <li>- Phân tích hồ sơ/Hình ảnh tập trung</li> <li>- Đóng vai (luật sư, thẩm phán, công chứng viên)</li> <li>- Mô hình thực tiễn</li> <li>- Trò chơi pháp lý</li> <li>- Thực tế chuyên môn/Kiến tập</li> </ul>
<b>Giảng dạy tương tác</b>	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Học viên làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, làm thực nghiệm nhóm, Thực tập/Thực tế chuyên môn, tham quan thực tế và Đề án Tốt nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tranh luận học thuật/pháp lý</li> <li>- Thảo luận chuyên sâu</li> <li>- Giải quyết vấn đề</li> <li>- Học tập nhóm</li> <li>- Tương tác, phản hồi</li> </ul>
<b>Học tập độc lập</b>	Hoạt động thực nghiệm, thiết kế trong môn học Đề án Tốt nghiệp, trình bày Đề án, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo thực tế chuyên môn và tự nghiên cứu chuyên đề.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công công việc cá nhân</li> <li>- Bài tập tham quan thực tế</li> <li>- Đề án Tốt nghiệp</li> </ul>

Các phương pháp giảng dạy học tập dựa trên chuẩn đầu ra môn học và phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Luật. Chính sách của Trường ĐH Luật TP. HCM là hỗ trợ tối đa về nguồn lực tài chính phù hợp, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng sư phạm và khả năng nghiên cứu tốt, thái độ phục vụ nhiệt tình, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo luôn được cải tiến, trang thiết bị cập nhật theo năm học đáp ứng nhu cầu học tập hiện tại và tương lai, chú trọng phát triển các kỹ năng mềm

Các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo tính tương tác. Thời gian cho phép thực hiện được quy định trong kế hoạch học tập và kiểm tra đánh giá của Trường ĐH Luật TP. HCM.

### 7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.
- Có nhiều hình thức giúp đỡ hỗ trợ người học yếu trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.
- Mỗi học kỳ, các bộ môn, khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên.
- Các học phần của chương trình đào tạo đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của giảng viên phụ trách học phần.

## 8. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN; ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

### 8.1. Phương pháp đánh giá học phần

- Phương pháp đánh giá học phần được sử dụng trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật định hướng ứng dụng bao gồm: (1) Đánh giá quá trình (Formative Assessment) và (2) Đánh giá tổng kết (Summative Assessment). Việc đánh giá dựa trên nguyên tắc chính xác, trung thực, công bằng, khách quan. Đảm bảo đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần;
- Đánh giá quá trình do giảng viên phụ trách lớp học phần thực hiện bằng một hoặc kết hợp một số phương pháp sau: tổ chức bài kiểm tra, làm bài tập nhóm, thuyết trình, thảo luận, báo cáo thu hoạch, đánh giá chuyên cần, thái độ tham gia học tập của học viên. Việc lựa chọn một hoặc một số phương pháp này để đánh giá do giảng viên quyết định và được quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Đánh giá tổng kết được Trường tổ chức vào cuối mỗi học kỳ hoặc sau khi học xong học phần để giảng viên đánh giá. Các phương pháp đánh giá này được quy định trong đề cương chi tiết học phần, có thể thực hiện thông qua một hoặc một số cách thức sau: bài thi viết, vấn đáp, bài tiểu luận, kết quả nghiên cứu vụ việc, bài viết tạp chí, thực hành....

**Bảng 08.** Ma trận thể hiện mối tương thích giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLO)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đánh giá quá trình									

1. Đánh giá chuyên cần	M	M							
2. Đánh giá bài kiểm tra	M	M							
3. Đánh giá thuyết trình	M	M							
4. Đánh giá bài báo cáo thu hoạch			H	M	L	L			
5. Đánh giá bài tập nhóm			M	M		L		H	
6. Đánh giá thuyết trình			M	M	L	L		M	
Đánh giá tổng kết									
7. Bài thi viết (tự luận/trắc nghiệm)	H	M							
8. Thi vấn đáp	H	M							
9. Bài tiểu luận	H	M	H				L		L
10. Kết quả nghiên cứu vụ việc			H	H	M	L	L	L	H
11. Bài viết tạp chí	H	H							
12. Kết quả thu hoạch kiến tập thực tế			H	M	M	M	L	L	M
13. Báo cáo thực tập:			H	H	M	M		M	M
14. Bảo vệ đề án	H	H	M	M					

## 8.2. Hình thức đánh giá học phần, thang điểm đánh giá và xếp loại học phần

### 8.2.1. Hình thức đánh giá học phần

Áp dụng đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thảo luận và thực hành thì việc đánh giá học phần được tính bao gồm 2 (hai) điểm thành phần sau đây:

- Điểm thành phần thứ 1: Là điểm đánh giá quá trình do giảng viên phụ trách lớp học phần đánh giá thông qua hình thức ra đề kiểm tra, tự tổ chức kiểm tra và chấm điểm. Điểm thành phần thứ 1 có trọng số bằng 40% điểm học phần;

- Điểm thành phần thứ 2: Là điểm đánh giá tổng kết, nhà trường tổ chức cho giảng viên đánh giá thông qua hình thức thi viết trên giấy (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi trên máy tính (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, chấm kết quả nghiên cứu dự án, thẩm định bài viết tạp chí hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Điểm thành phần thứ 2 có trọng số bằng 60% điểm học phần.

### 8.2.2. Thang điểm đánh giá và xếp loại học phần

- Điểm thành phần thứ 1 và điểm thành phần thứ 2 được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), nếu có điểm lẻ thì được làm tròn đến 0,5 (không phẩy năm).
- Điểm đánh giá học phần là tổng điểm của điểm thành phần thứ 1 (có trọng số bằng 40% điểm học phần) và điểm thành phần thứ 2 (có trọng số bằng 60% điểm học phần).
- Điểm đánh giá học phần được quy tròn đến 0,5 (không phẩy năm) và được xếp loại như sau:

Stt	Thang điểm 10	Xếp loại học phần	Chuyển sang thang điểm chữ
1.	9,5 và 10,0	Đạt	A
2.	8,5 và 9,0	Đạt	B <sup>+</sup>
3.	7,5 và 8,0	Đạt	B
4.	6,5 và 7,0	Đạt	C <sup>+</sup>
5.	5,5 và 6,0	Đạt	C
6.	5,0	Không đạt	D <sup>+</sup>
7.	4,0 và 4,5	Không đạt	D
8.	Dưới 4,0	Không đạt	F

### 8.3. Đánh giá kết quả học tập

- Kết quả các học phần trong chương trình đào tạo chỉ được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá từ mức C trở lên.
- Đánh giá đề án: điểm đề án là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá đề án theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm. Trong trường hợp đề không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung đề án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án lần thứ ba.
- Học viên được xem là hoàn thành chương trình đào tạo khi hoàn thành đủ 60 TC được quy định tại mục 7 Quyết định này và có điểm trung bình tích lũy từ 5,5 trở lên.

## 9. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

### 9.1 Khái quát chương trình

Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo Luật trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng là 60 tín chỉ. Trong đó, có 06 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ bản; 20 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; 22 tín chỉ thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành; 06 tín chỉ thực tập tốt nghiệp và 06 tín chỉ đề án tốt nghiệp, cụ thể:

**Khối kiến thức cơ bản** giúp người học có tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học để phát hiện và nhận diện vấn đề, lựa chọn phương pháp tiếp cận hiệu quả để giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn công việc.

**Khối kiến thức cơ sở ngành** được thiết kế với mục đích trang bị cho người học những kiến thức mới, chuyên sâu và hiện đại trong tất cả các lĩnh vực pháp luật trọng yếu.

**Khối kiến thức cốt lõi ngành** cung cấp kiến thức chuyên ngành nhằm giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học một cách trực tiếp vào các vấn đề cụ thể trong thực tế. Các môn học sẽ tập trung vào các vấn đề kỹ năng chuyên sâu trong thực tiễn thực hành pháp luật. Khối kiến thức cơ sở ngành có hai nhóm: bắt buộc và tự chọn nhằm giúp người học lựa chọn và tích lũy khối kiến thức phù hợp với nghề nghiệp, vị trí công tác và giúp học viên hoàn thành có chất lượng báo cáo thực tập và đề án tốt nghiệp.

**Thực tập** làm việc thực tế tại các cơ quan, đơn vị trong các công việc liên quan đến việc áp dụng pháp luật (cơ quan lập pháp, quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật, tổ chức kinh tế và công ty tư vấn luật ...). Hoạt động thực tập giúp các học viên ứng dụng kiến thức và kỹ năng đã học để phát hiện các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn (bất cập, vướng mắc, điểm nghẽn trong cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật... và chủ động đề xuất và/hoặc tham gia giải quyết vấn đề đó.

**Đề án tốt nghiệp** là một báo cáo kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một mô hình mới, giải pháp, quy trình... trong lĩnh vực chuyên ngành mang tính chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật vào thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

## 9.2. Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức:

**Bảng 09-1:** Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức

	<b>Khối lượng học tập</b>	<b>Số tín chỉ</b>
I	Khối kiến thức cơ bản	06
II	Khối kiến thức cơ sở	
II.1	Nhóm kiến thức cơ sở bắt buộc	12
II.2	Nhóm kiến thức cơ sở tự chọn	8
III	Kiến thức cốt lõi ngành	
III.1	Kiến thức cốt lõi ngành bắt buộc	10
III.2	Kiến thức cốt lõi ngành tự chọn	12
IV	Thực tập và đề án tốt nghiệp	

	<b>Khối lượng học tập</b>	<b>Số tín chỉ</b>
IV.1	Thực tập	06
IV.2	Đề án tốt nghiệp	06
	<b>Cộng:</b>	<b>60</b>

### 9.3 Chương trình chi tiết

**Bảng 09-2** Chương trình chi tiết của CTĐT

<b>I. KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN (06 TC)</b>			
<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Khoa thực hiện</b>
1	Triết học - Logic học	04	Khoa KH Cơ bản
2	Phương pháp nghiên cứu luật học	02	Khoa Luật Thương mại
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			
<b>II.1. Nhóm học phần kiến thức cơ sở bắt buộc (12 TC)</b>			
<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Khoa thực hiện</b>
1	Phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước	02	Khoa Luật Hành chính- Nhà nước
2	Những vấn đề chuyên sâu về tội phạm và trách nhiệm hình sự	02	Khoa Luật Hình sự
3	Chủ thể pháp luật dân sự	02	Khoa Luật Dân sự
4	Pháp luật về các tổ chức kinh doanh	02	Khoa Luật Thương mại

5	Những vấn đề chuyên sâu của Luật Quốc tế	02	Khoa Luật Quốc tế
6	Pháp luật và thực hành kinh doanh có trách nhiệm	02	Khoa Luật Thương mại
<b>II.2. Nhóm học phần kiến thức cơ sở tự chọn (08 TC)</b> <b>(chọn 08 /20 TC)</b>			
<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Khoa thực hiện</b>
1	Kỹ năng ban hành quyết định quản lý nhà nước	02	Khoa Luật Hành chính- Nhà nước
2	Kỹ năng giải quyết vụ án hành chính	02	Khoa Luật Hành chính- Nhà nước
3	Phòng ngừa một số tội phạm cụ thể	02	Khoa Luật Hình sự
4	Lý luận và thực tiễn về định tội danh	02	Khoa Luật Hình sự
5	Pháp luật về tài sản trong hôn nhân và gia đình	02	Khoa Luật Dân sự
6	Pháp luật về hợp đồng lao động	02	Khoa Luật Dân sự
7	Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh	02	Khoa Luật Thương mại
8	Hợp đồng trong kinh doanh	02	Khoa Luật Thương mại
9	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế	02	Khoa Luật Quốc tế
10	Pháp luật về hợp đồng license và chuyển giao công nghệ	02	Khoa Luật Quốc tế
<b>III.KHỐI KIẾN THỨC CỐT LÕI NGÀNH</b>			
<b>III.1. Nhóm học phần kiến thức cốt lõi ngành bắt buộc (10 TC)</b>			

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	
1	Bộ máy hành chính nhà nước và chế độ công vụ	02	Khoa Luật Hành chính- Nhà nước
2	Cơ quan tiến hành tố tụng trong pháp luật tố tụng dân sự	02	Khoa Luật Dân sự
3	Pháp luật về thương mại trong điều kiện hội nhập	02	Khoa Luật Thương mại
4	Xung đột pháp luật trong các giao dịch dân sự có yếu tố nước ngoài	02	Khoa Luật Quốc tế
5	Những vấn đề chuyên sâu về tố tụng hình sự	02	Khoa Luật Hình sự

**III.2. Nhóm học phần cốt lõi ngành tự chọn (12 TC)  
(chọn 12 / 20 TC)**

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Khoa thực hiện</b>
1	Cưỡng chế hành chính	02	Khoa Luật Hành chính- Nhà nước
2	Khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	02	Khoa Luật Hành chính- Nhà nước
3	Hình phạt và quyết định hình phạt	02	Khoa Luật Hình sự
4	Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự	02	Khoa Luật Hình sự
5	Giao dịch dân sự về bất động sản	02	Khoa Luật Dân sự
6	Vận dụng pháp luật lao động trong quản trị nhân sự	02	Khoa Luật Dân sự
7	Pháp luật về nghĩa vụ thuế của các chủ thể kinh doanh	02	Khoa Luật Thương mại

8	Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại	02	Khoa Luật Thương mại
9	Pháp luật về dịch vụ logistics	02	Khoa Luật Quốc tế
10	Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế	02	Khoa Luật Quốc tế
<b>IV. THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b>			
<b>(12 TC)</b>			
<b>IV.1. BÁO CÁO THỰC TẬP</b>		06	
<b>IV.2. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b>		06	
<b>60 TC</b>			

## 9.5. Tóm tắt nội dung các học phần

### [1] TRIẾT HỌC VÀ LOGIC HỌC

#### a. Triết học

Triết học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chung ở bậc sau đại học nhằm tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan duy vật khoa học, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học đã được trang bị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học. Với tư cách là hệ thống tri thức lý luận chung của con người về thế giới và vai trò, vị trí của con người trong thế giới, môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của các học thuyết triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng trong đời sống xã hội. Môn học giúp người học nghiên cứu những vấn đề về chung về triết học, bản thể luận, nhận thức luận, triết học chính trị, triết học con người trong lịch sử triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng.

#### b. Logic học

Nội dung chính phần logic của môn học bao gồm:

- Logic mệnh đề và các suy luận thông thường.
- Các phương pháp và công cụ tư duy.
- Áp dụng tri thức logic vào các nội dung khoa học pháp lý.

- Các bài tập của môn học được thiết kế sao cho góp phần hình thành kỹ năng của học viên trong tranh luận, chứng minh, bác bỏ, tránh nguy biến hiệu quả, gắn liền với các trường hợp thực tế điển hình liên quan đến công việc chuyên môn.
- Các công cụ và phương pháp tư duy (mindmap, brainstorming, six thinking hats) - giúp học viên phát triển khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, thuyết trình, lãnh đạo.

## **[2] PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LUẬT HỌC**

Học phần “Phương pháp nghiên cứu luật học” được thiết kế dành cho học viên cao học Luật định hướng nghiên cứu và ứng dụng, nhằm cung cấp một khung lý thuyết và thực tiễn toàn diện về quá trình thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực pháp luật. Môn học tập trung trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học pháp lý, các phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chuyên biệt, cùng với quy trình thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học pháp lý hoàn chỉnh. Nội dung học phần bao gồm: (i) Khái luận về nghiên cứu khoa học pháp lý, vai trò, ý nghĩa và đặc thù của nó; (ii) Các phương pháp luận nghiên cứu khoa học và trong luật học; (iii) Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được ứng dụng trong thu thập và phân tích dữ liệu pháp lý và phi pháp lý; (iv) Quy trình chi tiết để xây dựng một đề tài nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết, đến tổng quan tình hình nghiên cứu và thiết kế đề cương; (v) Kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu khoa học theo chuẩn mực học thuật quốc tế, bao gồm kỹ năng viết, trích dẫn và công bố.

Học phần cũng đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục về đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu khoa học pháp lý, góp phần đào tạo các nhà nghiên cứu luật có năng lực chuyên môn cao và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

## **[3] CƠ CHẾ PHÂN CÔNG, PHỐI HỢP VÀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC**

Môn học Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới.

## **[4] NHỮNG VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU VỀ TỘI PHẠM VÀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về tội phạm và trách nhiệm hình sự trong khoa học luật hình sự Việt Nam. Nội dung của môn học gồm 02 chuyên đề: Những vấn đề chuyên sâu về tội phạm và Những vấn đề chuyên sâu về trách nhiệm hình sự. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học, phương pháp so sánh, phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án, tình huống.

Học phần này thuộc khối kiến thức ngành cơ sở bắt buộc, giữ vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

### **[5] CHỦ THỂ PHÁP LUẬT DÂN SỰ**

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức pháp lý chuyên sâu về: cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác của quan hệ pháp luật dân sự. Thông qua việc kết hợp giữa việc giảng dạy lý thuyết, thảo luận và tự nghiên cứu, học viên có khả năng vận dụng kiến thức pháp lý về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự vào thực tiễn nghề nghiệp, đề xuất giải pháp cho các vấn đề pháp luật mới nảy sinh trong hoạt động thực tiễn, góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

### **[6] PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỔ CHỨC KINH DOANH**

Pháp luật về các mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh là một bộ phận pháp luật cơ bản, nền tảng của hệ thống pháp luật kinh tế. Để tiến hành các hoạt động kinh doanh, các nhà đầu tư phải lựa chọn các mô hình kinh doanh phù hợp. Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước xây dựng, ghi nhận sự đa dạng của các mô hình tổ chức kinh doanh cho nhà đầu tư lựa chọn. Việc hiểu rõ những cơ sở lý luận của pháp luật điều chỉnh các tổ chức kinh tế ở Việt Nam, các mô hình chủ thể kinh doanh ở nước ngoài, cũng như thực trạng pháp luật điều chỉnh các mô hình chủ thể kinh doanh ở Việt Nam là rất cần thiết đối với học viên cao học luật. Môn học này có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết về việc lựa chọn, thành lập, góp vốn, quản trị nội bộ các loại hình tổ chức kinh doanh khác nhau phù hợp với qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Đây là tiền đề cho việc phát triển bền vững của hoạt động đầu tư kinh doanh

### **[7] NHỮNG VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU CỦA LUẬT QUỐC TẾ**

Môn học Những vấn đề chuyên sâu của Luật Quốc tế sẽ cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về hệ thống pháp luật quốc tế và giới thiệu một số ngành luật thuộc hệ thống pháp luật này. Trong xu thế hội nhập và tích cực phát triển các quan hệ quốc tế hiện nay, học phần này là tiền đề giúp người học tiếp cận những môn học nghiên cứu chuyên sâu hơn về các lĩnh vực cụ thể của pháp luật quốc tế ví dụ như luật thương mại quốc tế, pháp luật đầu tư quốc tế... Môn Những vấn đề chuyên sâu của Luật Quốc tế cung cấp những kiến thức lý luận về lĩnh vực pháp luật quốc tế, bao gồm: khái niệm, các đặc trưng của pháp luật quốc tế, nguồn luật điều chỉnh và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật quốc tế. Ngoài ra, môn học còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản về một số lĩnh vực thuộc hệ thống pháp luật quốc tế như dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, quan hệ ngoại giao và lãnh sự, giải quyết tranh chấp quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế.

### **[8] PHÁP LUẬT VÀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM**

Trong hoạt động kinh doanh, ngoài nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, các chủ thể kinh doanh phải tuân thủ các hệ thống chuẩn mực và quy tắc xử sự phi pháp luật, bao gồm đạo đức kinh doanh,

quy tắc ứng xử nghề nghiệp, và thực hành kinh doanh có trách nhiệm (Responsible Business Conduct - RBC). Học phần phân tích hệ thống pháp luật và chính sách đang phát triển điều chỉnh hành vi kinh doanh có trách nhiệm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hóa. Khóa học đặt RBC trong mối liên hệ với các vấn đề rộng hơn về trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, quyền con người, quản trị môi trường, và pháp luật kinh doanh xuyên biên giới. Người học sẽ được cung cấp tầm nhìn khái quát về cách mà các công cụ 'luật mềm' quốc tế (như các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc, Hướng dẫn của OECD) tương tác với pháp luật quốc gia, các vụ kiện xuyên quốc gia, và các cơ chế tự nguyện của doanh nghiệp. Học phần nhấn mạnh so sánh pháp luật giữa các khu vực (EU, Hoa Kỳ, Canada, ASEAN), cùng các xu hướng mới như nghĩa vụ thẩm định nhân quyền bắt buộc, báo cáo bền vững (ESG) và cơ chế pháp lý thúc đẩy phát triển bền vững trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc sử dụng các phương pháp tiếp cận đa ngành và liên ngành để giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế không chỉ xu hướng phổ biến mà là yêu cầu bắt buộc. Do vậy, Học viên ngành luật kinh tế phải có kiến thức chuyên sâu về trách nhiệm xã hội của chủ thể kinh doanh để hỗ trợ không chỉ trong công tác nghiên cứu khoa học mà còn phục vụ nhu cầu công tác bảo vệ pháp luật, quản lý nhà nước trong kinh doanh hoặc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

### **[9] KỸ NĂNG BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

Học phần Kỹ năng ban hành quyết định quản lý nhà nước nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và nâng cao kỹ năng xây dựng và ban hành quyết định quản lý nhà nước. Theo đó, người học nhận diện và phân biệt được được văn bản hành chính trong hệ thống văn bản; nắm rõ các kiến thức về thẩm quyền, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày, ngôn ngữ của văn bản hành chính. Đồng thời, có thể vận dụng các kiến thức để tham mưu, tư vấn, xây dựng, ban hành các loại văn bản hành chính trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

### **[10] KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Học phần Kỹ năng giải quyết vụ án hành chính là một môn khoa học pháp lý nghiên cứu các vấn đề về pháp lý, thực tiễn và đặc biệt là các kỹ năng giải quyết vụ án hành chính ở nước ta. Học phần bao gồm 06 chương: i) Khái quát về tổ tụng hành chính; ii) Kỹ năng xác định thẩm quyền của Tòa án trong tổ tụng hành chính; iii) Kỹ năng xác định các chủ thể tổ tụng trong hoạt động tổ tụng hành chính; iv) Kỹ năng xác định và thu thập chứng cứ trong tổ tụng hành chính; v) Kỹ năng trong thủ tục giải quyết các vụ án hành chính vi) Kỹ năng ban hành ra phán quyết của Hội đồng xét xử

### **[11] PHÒNG NGỪA MỘT SỐ TỘI PHẠM CỤ THỂ**

Học phần có tên gọi là “Phòng ngừa một số tội phạm cụ thể”, thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cao học chuyên ngành luật học. Học phần có 02 tín chỉ, do Bộ môn Tội phạm học, Khoa Luật hình sự phụ trách, thường được giảng dạy cho học viên từ học kỳ thứ 3. Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề về phòng ngừa các tội phạm cụ thể- đặc

biệt là các tội phạm tham nhũng và ma túy- như khái niệm phòng ngừa tham nhũng và ma túy, pháp luật quốc tế về phòng ngừa tham nhũng và ma túy, pháp luật Việt Nam về phòng ngừa tham nhũng và ma túy, nhận diện các tội tham nhũng và ma túy ở Việt Nam, xác định nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm để từ đó đề ra các biện pháp phòng ngừa.

### [12] LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM

Học phần có tên gọi là “Lý luận và thực tiễn về phòng ngừa tội phạm”, thuộc kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo cao học chuyên ngành luật học. Học phần có 02 tín chỉ, do Bộ môn Tội phạm học, Khoa Luật hình sự phụ trách, thường được giảng dạy cho học viên từ học kỳ thứ 2. Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa tội phạm như khái niệm phòng ngừa tội phạm; tổng quan về lịch sử phát triển các học thuyết về nguyên nhân của tội phạm; những vấn đề hiện đại về phòng ngừa tội phạm; cơ chế phòng ngừa tội phạm; dự báo tội phạm; kế hoạch hóa hoạt động phòng ngừa tội phạm; đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội phạm.

### [13] PHÁP LUẬT VỀ TÀI SẢN TRONG HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Chế độ pháp lý về tài sản trong hôn nhân và gia đình có vị trí quan trọng trong pháp luật về chế độ tài sản-một phạm trù thuộc quyền con người. Môn học này là tiền đề lý luận và thực tiễn xác định chế độ sở hữu trong hôn nhân và gia đình, quyền của các chủ sở hữu về tài sản và là căn cứ để giải quyết các tranh chấp liên quan như quyền thừa kế, sở hữu chung, riêng, Việc nghiên cứu và làm sáng tỏ chế độ pháp lý về tài sản trong hôn nhân và gia đình xác định được quan điểm của nhà nước ta về chế độ sở hữu trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình và trên tinh thần đó so sánh chế độ sở hữu trong các ngành luật khác và là căn cứ để giải quyết các tranh chấp liên quan đến tài sản giữa các thành viên trong gia đình. Môn học này là tiền đề để các học viên có thêm kỹ năng cũng như nhận thức trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến tài sản giữa các thành viên trong gia đình.

### [14] PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

“**Pháp luật về Hợp đồng lao động**” là môn học mang tính chuyên sâu. Môn học này không chỉ đơn thuần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của chế định hợp đồng lao động trong Luật lao động Việt Nam, mà thông qua việc giới thiệu một cách có hệ thống từ những vấn đề lý luận cho đến các nội dung quan trọng của hợp đồng lao động, người học sẽ được tiếp cận với nhiều quan điểm mới ở cả trong và ngoài nước về hợp đồng lao động.

### [15] HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH

Học phần Hợp đồng trong kinh doanh được thiết kế để giảng dạy cho chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Luật, định hướng ứng dụng. Học phần tập trung vào các vấn đề pháp lý phát sinh từ thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh; phân tích các vấn đề pháp lý đó từ góc nhìn đa diện của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh, của luật sư tư vấn,

của thẩm phán giải quyết tranh chấp, nhằm đem đến cho người học khả năng nhận biết, tổ chức các quan hệ hợp đồng cũng như khả năng tìm ra giải pháp giải quyết các bất đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đồng thời, môn học cũng giúp người học rèn luyện và nâng cao khả năng áp dụng chính xác và nhất quán pháp luật để giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng trong kinh doanh. Học phần giúp nâng cao nhận thức của học viên về những vấn đề pháp lý chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật hợp đồng, gắn với tư duy đánh giá pháp luật, phát hiện và vận dụng được kiến thức và phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề học thuật và thực tiễn thuộc chuyên ngành Luật Kinh tế.

### **[16] PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

Học phần Pháp luật về Hợp đồng Thương mại Quốc tế trang bị cho học viên nền tảng kiến thức chuyên sâu về cơ sở lý luận và thực tiễn điều chỉnh các quan hệ hợp đồng trong thương mại quốc tế. Nội dung tập trung vào tổng quan về hợp đồng thương mại quốc tế, các vấn đề pháp lý liên quan, một số loại hợp đồng thương mại quốc tế trọng tâm (hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, hợp đồng xây dựng quốc tế). Học phần được triển khai theo hướng kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, sử dụng phương pháp phân tích tình huống, thảo luận nhóm, mô phỏng đàm phán và nghiên cứu án lệ quốc tế. Qua đó, học viên phát triển năng lực tư duy pháp lý, kỹ năng phân tích - phản biện và vận dụng quy định pháp luật vào thực tiễn kinh doanh quốc tế. Học phần góp phần hình thành tư duy hội nhập, đáp ứng yêu cầu của chuyên gia pháp lý trong môi trường thương mại toàn cầu

### **[17] TỔ TỤNG DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

Học phần Pháp luật về hợp đồng License và chuyển giao công nghệ quốc tế là một học phần chuyên ngành, cung cấp kiến thức pháp luật chuyên sâu về hai lĩnh vực quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển khoa học và kinh tế quốc gia: Hợp đồng License và Chuyển giao công nghệ. Học phần đi sâu nghiên cứu đối tượng của hợp đồng License, nội dung cơ bản của loại hợp đồng này. Đồng thời, môn học cũng nghiên cứu vấn đề Chuyển giao công nghệ với các nội dung về khái niệm, đối tượng, hình thức, phương thức và hợp đồng chuyển giao công nghệ. Mục tiêu là trang bị cho người học những kỹ năng thiết yếu như tư vấn, trình bày nội dung hợp đồng License, giải quyết các tranh chấp liên quan, và đặc biệt là kỹ năng đàm phán, lập hợp đồng chuyển giao công nghệ quốc tế.

### **[18] BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**

Học phần *Bộ máy hành chính nhà nước và chế độ công vụ* cung cấp cho học viên những kiến thức cốt lõi về tổ chức, hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, các quy định pháp luật về hoạt động công vụ và các yếu tố hợp thành nền công vụ ở Việt Nam hiện nay. Môn học được thiết kế thành 4 chương, bao gồm: i) Khái quát chung về cơ quan hành chính nhà

nước và bộ máy hành chính nhà nước; ii) Bộ máy hành chính nhà nước ở Việt Nam); iii) Những vấn đề chung về hoạt động công vụ và chế độ công vụ; iv) Trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức theo pháp luật Việt Nam

## **[19] CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ**

Pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng xác định vị trí, thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ việc dân sự tại cơ quan tư pháp. Với việc làm sáng tỏ vị trí, chức năng của cơ quan tiến hành tố tụng thông qua các khái niệm, quy định của luật, thực tiễn áp dụng, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng.

Nội dung môn học được phân bổ thành 3 chuyên đề sau:

Chuyên đề 1: Kỹ năng xác định vị trí, thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng trong pháp luật tố tụng dân sự

Chuyên đề 2: Kỹ năng xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong giải quyết các vụ việc dân sự

Chuyên đề 3: Kỹ năng xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong pháp luật tố tụng dân sự

## **[20] PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP**

Pháp luật thương mại Việt Nam ngày càng chịu sự tác động lớn và trực tiếp từ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Không thể hiểu đúng bản chất, chức năng, mục đích và nhiệm vụ của nhiều chế định pháp luật thương mại Việt Nam nếu không được nhìn nhận một cách biện chứng với chính sách hội nhập kinh tế quốc tế và pháp luật thương mại quốc tế. Nhận thức lĩnh vực pháp luật thương mại nhìn chung một cách toàn diện, sâu sắc và trong sự tương tác với pháp luật thương mại quốc tế là cần thiết nhằm nâng tầm nhận thức của học viên cao học về pháp luật thương mại tương ứng với trình độ đào tạo. Môn học sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức chuyên sâu về mối quan hệ giữa pháp luật thương mại Việt Nam với điều ước quốc tế và tập quán thương mại quốc tế, trong đó chú trọng đến mối quan hệ với luật của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đa phương và song phương của Việt Nam, qua đó cung cấp kiến thức nâng cao về pháp luật thương mại trong bối cảnh toàn cầu hoá cho học viên cao học.

## **[21] XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT TRONG CÁC GIAO DỊCH DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

Xung đột pháp luật trong các giao dịch dân sự có yếu tố nước ngoài là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, về vấn đề áp dụng

pháp luật nước ngoài trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Môn học nghiên cứu chuyên sâu về nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật trong một số chế định cụ thể hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

## **[22] NHỮNG VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU VỀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

Nội dung của học phần tập trung trình bày, phân tích những vấn đề chuyên sâu về TTHS bao gồm: (i) chức năng, mô hình TTHS; (ii) một số nguyên tắc cơ bản của luật TTHS; (iii) một số biện pháp ngăn chặn trong TTHS; (iv) tranh tụng trong TTHS; (v) thủ tục TTHS đối với người chưa thành niên. Học phần còn phân tích, đánh giá quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về các vấn đề trên và thực tiễn thực hiện; xác định nguyên nhân của những hạn chế và đưa ra định hướng hoàn thiện phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ về cải cách tư pháp trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của học phần bao gồm phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học, phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh và phương pháp nghiên cứu tình huống. Học phần này thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành bắt buộc, giữ vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Luật theo định hướng nghiên cứu.

## **[23] CƯỜNG CHẾ HÀNH CHÍNH**

- Cường chế hành chính là môn học chuyên ngành tự chọn giành cho chương trình thạc sĩ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính thuộc hệ nghiên cứu và ứng dụng.
- Môn học này cung cấp cho người học tổng thể khối kiến thức khoa học và pháp lý chuyên sâu về cường chế hành chính và các biện pháp cường chế hành chính. Giúp người học có sự am hiểu cặn kẽ về các biện pháp cường chế hành chính theo pháp luật hiện hành, cụ thể là các biện pháp phòng ngừa hành chính, ngăn chặn hành chính, trách nhiệm hành chính, các biện pháp xử lý hành chính, xử lý hành chính đối với người chưa thành niên.

## **[24] GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

Học phần này sẽ giúp các học viên hiểu được tổng quan về các cơ chế giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế hiện nay. Cụ thể, học phần sẽ tập chung vào giới thiệu các thủ tục quyết tranh chấp liên chính phủ trong lĩnh vực thương mại quốc tế; thủ tục giải quyết tranh chấp giữa các nhà nước và doanh nghiệp và giữa các thủ thể kinh doanh thương mại với nhau.

## **[25] KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG**

Môn học khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng là một môn khoa học pháp lý nghiên cứu các vấn đề về lý luận, pháp lý và thực tiễn về khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng ở nước ta. Môn học trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về khiếu nại và giải quyết khiếu nại; về tố cáo và giải quyết tố cáo, giám sát và quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo; các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

## [26] HÌNH PHẠT VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT

Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên sâu về hình phạt và quyết định hình phạt. Hình phạt và quyết định hình phạt là chế định cơ bản, quan trọng của Luật hình sự, việc áp dụng chế định này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự nói riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Môn học trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao và chuyên sâu về hình phạt như các học thuyết về hình phạt, các xu hướng về hình phạt hiện nay trên thế giới. Đánh giá các thành công và hạn chế trong quy định của BLHS năm 2015 về hình phạt và quyết định hình phạt trong sự tham chiếu với các chuẩn mực và xu hướng về hình phạt trên thế giới. Nội dung môn học gồm 4 chuyên đề: Chuyên đề 1: Các học thuyết về hình phạt; Chuyên đề 2: Các xu hướng về hình phạt hiện nay trên thế giới; Chuyên đề 3: Định hướng phát triển chế định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam; Chuyên đề 4: Các căn cứ quyết định hình phạt và quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt

## [27] CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Học phần *Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự* trình bày chuyên sâu về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự, trong đó có những vấn đề cơ bản và chuyên sâu như chứng cứ, nguồn chứng cứ, loại trừ chứng cứ, những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự, nghĩa vụ chứng minh, phạm vi và giới hạn chứng minh, quá trình chứng minh và đặc điểm hoạt động chứng minh trong các giai đoạn của tố tụng hình sự.

Nội dung học phần giải quyết những vấn đề lý luận, pháp lý về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự, từ đó người học có thể giải quyết những vấn đề thực tiễn chứng minh đặt ra.

## [28] GIAO DỊCH DÂN SỰ VỀ BẤT ĐỘNG SẢN

Môn học trang bị cho người học những kiến thức pháp lý chuyên sâu về các giao dịch dân sự thông dụng có đối tượng là bất động sản (chủ yếu là nhà ở và quyền sử dụng đất). Đó là những kiến thức về quyền sở hữu bất động sản, quy định chung về giao dịch dân sự về bất động sản, các giao dịch chuyển quyền sở hữu bất động sản (hợp đồng mua bán, tặng cho...), giao dịch chuyển quyền sử dụng bất động sản (hợp đồng cho thuê, cho mượn...), các giao dịch khác (hợp đồng thế chấp, ủy quyền quản lý...). Đồng thời, môn học cung cấp các bản án, tình huống thực tiễn giúp người học áp dụng những kiến thức pháp lý chuyên sâu trên để xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự về bất động sản và giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phức tạp về các giao dịch trên trong thực tiễn. Ngoài ra, môn học giúp người học có thể vận dụng sáng tạo các kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn vào hoạt động nghề nghiệp, có thể đưa ra những phân tích, đánh giá, bình luận chuyên sâu về các vấn đề pháp lý có liên quan, phát hiện và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này.

## [29] **VẬN DỤNG PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG TRONG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ**

Học phần *Vận dụng pháp luật lao động trong quản trị nhân sự* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên sâu tự chọn dành cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật học theo định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho người học kiến thức tổng quát và chuyên sâu về quản trị nhân sự và vai trò của việc vận dụng pháp luật lao động để nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại doanh nghiệp. Nội dung chính của học phần tập trung vào việc nghiên cứu và thực hành vận dụng pháp luật lao động trong các hoạt động quản trị nhân sự. Mục tiêu là trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng vận dụng pháp luật lao động trong công tác quản trị nhân sự nhằm đạt được hiệu quả trong việc sử dụng lao động tại doanh nghiệp. Học phần chú trọng cung cấp kinh nghiệm nhận diện và xử lý các tình huống pháp lý lao động phát sinh trong thực tiễn quản trị nhân sự. Người học sẽ được rèn luyện khả năng soạn thảo và rà soát các văn bản nội bộ (như hợp đồng lao động, nội quy lao động), hoạch định chính sách nhân sự (tuyển dụng, đào tạo, lương, thưởng), và xây dựng các quy trình nhân sự (tuyển dụng, điều chuyển, chấm dứt hợp đồng lao động và xử lý kỷ luật). Ngoài ra, học phần này còn góp phần hình thành ý thức tôn trọng pháp luật, rèn luyện khả năng tìm tòi, sáng tạo trong xử lý tình huống nhân sự phát sinh tại doanh nghiệp và có ý thức đóng góp vào việc hoàn thiện pháp luật lao động.

## [30] **PHÁP LUẬT VỀ NGHĨA VỤ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP**

Học phần được xây dựng để giảng dạy cho học viên cao học Luật, định hướng ứng dụng nhằm tập trung giới thiệu, phân tích khía cạnh pháp lý của các sắc thuế áp dụng cho doanh nghiệp. Đây là học phần nghiên cứu chuyên sâu và phát triển từ môn học Luật Thuế trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Trên cơ sở tiếp cận các sắc thuế trong doanh nghiệp, học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận chuyên sâu về các yếu tố cấu thành nên các sắc thuế đó để có kỹ năng vận dụng vào thực tiễn và phục vụ cho công tác nghiên cứu trong lĩnh vực định hướng và hoạch định các chính sách về thuế.

## [31] **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, Trọng tài thương mại (TTTM) đã trở thành phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh được ưu tiên hàng đầu, đặc biệt là đối với các tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Khác với tổ tụng tòa án truyền thống, TTTM mang lại tính linh hoạt, bảo mật cao và khả năng thi hành phán quyết rộng rãi theo các điều ước quốc tế như Công ước New York 1958.

Học phần này cung cấp một cái nhìn toàn diện, chuyên sâu và mang tính ứng dụng cao về lý luận và thực tiễn của quy trình giải quyết tranh chấp bằng TTTM. Môn học không chỉ tập trung vào các quy định pháp luật trọng tài của Việt Nam mà còn nghiên cứu so sánh với pháp luật và thực tiễn trọng tài quốc tế, tiêu biểu là Luật Mẫu UNCITRAL và quy tắc của các trung tâm trọng tài lớn trên thế giới (ICC, SIAC, HKIAC).

## [32] PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ LOGISTICS

Pháp luật về dịch vụ logistics là môn học nghiên cứu chuyên sâu pháp luật về vận tải quốc tế và logistics bao gồm các vấn đề liên quan đến lịch sử hình thành, phát triển của logistics, đặc điểm, vai trò của logistics, phân loại logistics, nguồn luật điều chỉnh hoạt động logistics tại Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về các hoạt động logistics bao gồm pháp luật về vận tải quốc tế, quản trị tồn kho, hoạt động kho bãi, đóng gói.

### 10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH

Để đảm bảo chất lượng, tính thời sự và hiệu quả đào tạo, Chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ ngành Luật định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành đối sánh toàn diện về mục tiêu, nội dung và cấu trúc chương trình với các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) uy tín trong nước và quốc tế. Quá trình đối sánh này là cơ sở khoa học quan trọng cho việc đánh giá, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo.

#### 10.1 Cơ sở đối sánh chương trình đào tạo

Tổng cộng chín (09) chương trình đào tạo đã được lựa chọn làm đối tượng đối sánh, bao gồm ba (03) chương trình trong nước và sáu (06) chương trình quốc tế.

##### - Trong nước:

- [4] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật của Trường ĐH Luật Hà Nội;
- [5] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật định hướng ứng dụng của Trường ĐH Đà Lạt;
- [6] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật của Trường ĐH Cần Thơ;

##### - Nước ngoài:

- [7] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của University of Birmingham (Anh)
- [8] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Irvine School of Law at University of California (Hoa Kỳ)
- [9] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của The School of Law at University of Galway (Ireland)
- [10] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Faculty of Law of The University of Hong Kong (HongKong)
- [11] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Monash University (Úc)
- [12] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của SciencesPo Law School (Pháp)

**Cơ sở lựa chọn:** Các CTĐT được chọn đều đến từ các đơn vị đào tạo có uy tín và danh tiếng trong lĩnh vực luật học và giáo dục đại học. Đặc biệt, việc lựa chọn sáu (06) chương trình quốc tế còn dựa trên tiêu chí danh tiếng thương hiệu và sự phân bố địa lý tại các quốc gia phát

triển, nhằm giúp CTĐT thạc sĩ ngành Luật tại Trường ĐH Luật TH Hồ Chí Minh tiếp cận, tham khảo, và cập nhật các xu hướng đào tạo tiên tiến của thế giới.

**Kết quả đối sánh:** Kết quả đối sánh chi tiết đã được trình bày và phân tích trong các bảng dữ liệu chuyên môn, bao gồm:

Bảng 10-1: Đối sánh mục tiêu CTĐT của các CSGDDH trong nước (Kèm theo),

Bảng 10-2:(Đối sánh nội dung CTĐT của các CSGDDH trong nước (Kèm theo) và

Bảng 11 (Đối sánh mục tiêu và nội dung CTĐT của các CSGDDH nước ngoài(Kèm theo)

Các bảng này cung cấp cái nhìn đầy đủ về các chương trình đào tạo cùng ngành, là luận cứ quan trọng để phát triển CTĐT tại Trường ĐH Luật TH Hồ Chí Minh đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu xã hội và bắt kịp xu hướng phát triển toàn cầu.

## 10.2 Về ưu điểm và tính tương thích của chương trình

Dựa trên kết quả đối sánh và quá trình nghiên cứu, xây dựng công phu, CTĐT thạc sĩ ngành Luật định hướng ứng dụng của Trường ĐH Luật TH Hồ Chí Minh đã khẳng định được những ưu điểm tính tương thích khi so sánh với các chương trình tham khảo trong và ngoài nước. Chương trình được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên một nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc, kết hợp với các kỹ năng ứng dụng thực tiễn cao.

a) Tính liên ngành: Điểm khác biệt cốt lõi của chương trình tại Trường ĐH Luật TH Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa và độc đáo giữa pháp luật và kinh tế, hành chính nhà nước và quản lý xã hội. Sự kết hợp này mang lại lợi thế cạnh tranh lớn, giúp học viên tốt nghiệp có khả năng xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong điều kiện và môi trường công tác hiện nay..

b) Chú trọng phát triển kỹ năng ứng dụng thực tiễn chuyên sâu CTĐT đặc biệt chú trọng vào việc phát triển kỹ năng thực tiễn thông qua ứng dụng kiến thức vào các tình huống thực tế. Điều này tạo ra một lợi thế lớn cho học viên khi chuyển tiếp sang môi trường làm việc thực tiễn.

c) Khuyến khích tư duy phản biện và nâng cao kỹ năng quản lý Một trong những mục tiêu trọng tâm là phát triển tư duy phản biện và kỹ năng thực hành của học viên. Chương trình không chỉ tập trung vào truyền đạt kiến thức chuyên môn mà còn rèn luyện các kỹ năng mềm thiết yếu như giao tiếp học thuật, làm việc nhóm hiệu quả, và tư duy chiến lược trong bối cảnh toàn cầu. Điều này giúp học viên phát triển toàn diện, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường lao động lĩnh vực pháp luật.

D) Cơ hội trải nghiệm thực tế thông qua các công việc thực hành và viết đề án tại các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan nhà nước uy tín trong và ngoài nước. Trải nghiệm này không chỉ giúp học viên tích lũy kinh nghiệm làm việc thực tế mà còn tạo dựng mối quan hệ chuyên nghiệp, tăng cường kỹ năng thực hành pháp luật.

Tóm lại, CTĐT thạc sĩ ngành Luật định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh mang lại những lợi ích khác biệt và ưu việt với sự kết hợp chiến lược giữa lý thuyết và thực tiễn. Chương trình cung cấp cho học viên nền tảng kiến thức vững chắc, kỹ năng ứng dụng thực tiễn cao, và khả năng cạnh tranh vượt trội trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

## **11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH**

Bản mô tả chương trình đào tạo của Chương trình đào tạo ngành Luật đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh./.